

Bản án số: 107/2026/HS-PT
Ngày: 02 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 341/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2025, đối với các bị cáo do có kháng cáo của bị cáo Phan Văn C, kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 576/2025/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1/ Họ và tên: **Phạm Văn C1**; giới tính: Nam; sinh ngày 19 tháng 01 năm 1988, tại: An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang); Chỗ ở hiện nay: không có nơi cư trú ổn định; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn X và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 15/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2009/HSST. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, ngày 27/8/2009 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 126/2009/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/3/2010, đã nộp tiền án phí hình sự và dân sự, về phân trách nhiệm dân sự người được thi hành án không có đơn yêu cầu thi hành án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2021; có mặt.

2/ Họ và tên: **Cao Thanh T**; giới tính: Nam; sinh ngày 24 tháng 11 năm 1990 tại: tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (nay là: thôn A, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); chỗ ở: không có nơi cư trú ổn định; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Cao G và bà Nguyễn Thị T1; bị cáo có vợ (chưa đăng ký kết hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 19/12/2022, bị Tòa Á, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 377/2022/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/11/2023.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2023; có mặt.

3/ Họ và tên: **Nguyễn Chí Á**; giới tính: Nam; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 tại: tỉnh Bạc Liêu; Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp A, xã P, phường G, tỉnh Cà Mau); chỗ ở: nhà không số thuộc Tổ F, Ấp A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tổ F, Ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị H1; bị cáo có vợ và 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/9/2023; có mặt.

4/ Họ và tên: **Nguyễn Hải T2**; giới tính: Nam; sinh ngày 30 tháng 12 năm 1982 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 69A/3 Ấp A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 69A/3 Ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: không có nơi cư trú ổn định; trình độ học vấn: 00/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn C2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H2; bị cáo có vợ và 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/9/2023; có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Văn C1*: Luật sư Nguyễn Trọng D - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Cao Thanh T*: Luật sư Hoàng Thị Ngọc C3 - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Chí Á*: Luật sư Nguyễn Hồng N - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hải T2*: Luật sư Huỳnh Anh T3 - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- **Bị hại**: Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1992 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1/ Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1958 (vắng mặt).

2/ Bà Đỗ Thị Đ1, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Cùng ở tại địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn D1, bà Đỗ Thị Đ1: Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 21/12/2021, Phạm Văn C1, Cao Thanh T, Phạm Thanh T6 và Nguyễn Thanh T4 uống rượu, bia tại bãi đất trống gần quán bà Nguyễn Thị T7 thuộc Tổ F, Ấp A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Chí Â, Nguyễn Hải T2 và Trần Văn B cũng đang ngồi uống rượu, bia bàn kê bên. Sau đó, Â, T2 và B qua ngồi uống rượu, bia chung với C1, T, T6 và T4. Trong lúc ăn uống, T4 lớn tiếng chửi thề nên T2 dùng tay đánh T4 chảy máu miệng, được cả nhóm can ra và rồi tiếp tục ăn uống, riêng B đi ngủ. Lúc này, Lê Thanh P đi ngang thấy nhóm C1 nên vào ngồi chung. Một lúc sau, T4 tiếp tục quậy phá, lớn tiếng chửi thề nên P dùng tay tát vào mặt của T4 3 đến 4 cái rồi kêu T4 lên xe để P chở về nhà trọ tại thị trấn T. Khi đến đầu đường Q, P đưa cho T4 40.000 đồng để T4 đi xe ôm về, T6 đi ngủ, B đi về nhà trọ.

Một lúc sau, T4 đi bộ quay lại vào ăn uống chung với C1, T, Â, T2. Trong lúc ăn uống, T4 hỏi C1 điện thoại di động hiệu Oppo của T4 cầm cố cho C1 đâu thì C1 nói đang giữ và vào phòng trọ lấy ra cho T4 xem rồi Cảnh để điện thoại trên bàn. Sau khi T4 ra về, C1 phát hiện điện thoại Oppo để trên bàn đã mất. Nghi ngờ T4 lấy điện thoại nên C1 lái xe chở T đi tìm T4. Khi đến đầu Quốc lộ A, thấy T4 đang đi bộ, C1 hỏi T4 có lấy điện thoại của C1 không thì T4 không thừa nhận nên C1 kêu T4 lên xe C1 chở T4 và T về chỗ ăn uống để nói chuyện. Khi cả ba quay lại bàn thì T4 ngồi lên ghế đá bên phải của C1 và C1 hỏi T4 có lấy điện thoại của C1 không thì T4 không thừa nhận nên C1 dùng tay phải nắm mạnh vùng cổ làm T4 té ngã. T4 đứng dậy xông đến định đánh lại, thì C1 xô T4 ra làm T4 té ngã, C1 chạy đến chỗ dựng xe máy gần đó mở dây xích bằng kim loại, dài 76cm đang khóa xe, cầm trên tay trái, còn tay phải cầm chìa khóa (chĩa mũi chìa hướng khóa ra ngoài). Lúc này, T4 xông về phía C1 thì C1 cầm chìa khóa đâm vào người T4 2 đến 3 cái trúng vào vùng lưng, vùng vai làm T4 té ngã. C1 tiếp tục cầm dây xích đánh vào chân, lưng của T4 thêm 4 đến 5 cái nữa. T4 không phản kháng và ngồi xuống bàn bên cạnh T2. C1 đem cắt dây xích rồi vào phòng trọ của C1 rồi lấy cây sắt hộp vuông dài khoảng 73cm đem lại để cạnh bàn. T2 tiếp tục hỏi T4 về chiếc điện thoại nhưng T4 không thừa nhận nên T2 dùng tay đánh vào mặt làm T4 té, T2 cầm ghế nhựa đánh vào đầu, rồi dùng chân đá vào người T4. T cũng cầm mũ bảo hiểm đánh vào hai tay của T4. T4 lên ghế nhựa ngồi cạnh Â thì Â dùng tay tát vào mặt của T4 và dùng chân đá vào người

của T4 rồi về phòng trọ lấy roi điện ra bấm dọa nhưng T4 vẫn không thừa nhận lấy điện thoại nên Á cầm roi điện về phòng trọ ngủ. Tỉnh tiếp tục lại chỗ T4 ngồi, cầm ghế nhựa đánh vào đầu, dùng chân đá vào người T4. T4 đứng dậy định đi về thì T2 dùng tay đánh vào người T4, T2 cầm ghế nhựa đánh tiếp vào đầu T4 rồi dùng chân đá vào người T4. Lúc này, P đi ngang qua và nghe mọi người kể lại sự việc nên cầm điện thoại gõ nhẹ vào đầu và kêu T4 đi về, rồi P bỏ đi.

Sau đó, T4 đi bộ về được một đoạn thì tự té ngã xuống đường. Cảnh thấy vậy kêu T2 chạy xe lại chở T4. C1 và T6 đỡ T4 lên xe của T2 nhưng thấy T4 tiêu tiện ra quần, hai chân không cử động nên không chở đi được. Cảnh để T4 nằm ngửa bên lề đường rồi tất cả bỏ về. Khi C1 về phòng trọ gặp bà Nguyễn Thị T7 kể lại sự việc, bà T7 kêu C1 chở T4 đi bệnh viện nhưng có một mình nên C1 không chở được mà bỏ đi làm tại chợ Đ2.

Đến khoảng 02 giờ 10 ngày 22/12/2021, ông Lê Văn G1 phát hiện T4 nằm bên lề đường đã tử vong nên đến Công an xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo.

Tại bản Kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 18/22/GĐHS ngày 01/8/2022 của P1 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“- Nguyên nhân tử vong của nạn nhân Nguyễn Thanh T4 là suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp trên cơ thể có chấn thương cổ gây tổn thương thanh quản và bó mạch cảnh, nồng độ Ethanol trong máu cao.

- Thời gian tử vong của nạn nhân Nguyễn Thanh T4 trong khoảng sau 15 giờ ngày 21/12/2021 đến trước 03 giờ ngày 22/12/2021.

- Nếu nạn nhân Nguyễn Thanh T4 được đưa đi cấp cứu và điều trị kịp thời có thể không dẫn đến tử vong.

- Tự máu cơ vùng cổ hai bên, dọc theo các đốt sống cổ xuống các đốt sống ngực, tổn thương thanh quản và bó mạch cảnh của nạn nhân Nguyễn Thanh T4 là do vật tày tác động trực tiếp gây ra. Chấn thương này có thể là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nạn nhân tử vong.

- Người ngồi bên cạnh dùng tay phải đánh mạnh từ trước ra sau, từ trái sang phải trúng vào cổ Nguyễn Thanh T4 hoặc có người dùng chân đá vào cổ T4 có thể gây ra tự máu cơ vùng cổ hai bên và dọc theo các đốt sống cổ xuống các đốt sống ngực trên.”

Ngày 12/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Phạm Văn C1 12 năm 06 tháng tù, Cao Thanh T 11 năm 06 tháng tù, Nguyễn Hải T2 11 năm 06 tháng tù, Nguyễn Chí Á 10 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST). Nguyễn Chí Á kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Ngày 12/4/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, để điều tra, truy tố và xét xử lại theo thủ tục chung.

Quá trình điều tra lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra trưng cầu giám định bổ sung. Tại bản Kết luận giám định pháp y trên hồ sơ lần II số 67/GĐHS ngày 19/02/2025 của V1 kết luận:

“- Nguyên nhân tử vong của Nguyễn Thanh T4: Suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp trên cơ thể có chấn thương cổ gây tụ máu quanh thanh quản và bó mạch cảnh, nồng độ Ethanol trong máu cao.

-Thời điểm tử vong: Khoảng sau 15 giờ ngày 21/12/2021 đến trước 03 giờ ngày 22/12/2021.

-Nếu nạn nhân Nguyễn Thanh T4 được đưa đi cấp cứu kịp thời có thể không dẫn đến tử vong.

-Nguyên nhân dẫn đến tụ máu cơ vùng cổ hai bên và dọc theo các đốt sống cổ xuống các đốt sống ngực do vật tày tác động trực tiếp gây ra. Chấn thương này có thể là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nạn nhân tử vong.

-Người ngồi bên cạnh dùng tay phải đánh mạnh từ trước ra sau, từ trái sang phải trúng vào cổ Nguyễn Thanh T4 hoặc có người dùng chân đá vào cổ T4 có thể gây ra tụ máu cơ vùng cổ hai bên và dọc theo các đốt sống cổ xuống các đốt sống ngực trên.”

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 576/2025/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C1 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người”; Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2021.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Cao Thanh T 16 (mười sáu) năm tù về tội “Giết người”; Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2023.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Â 16 (mười sáu) năm tù về tội “Giết người”; Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2023.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải T2 16 (mười sáu) năm tù về tội “Giết người”; Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2023.

2. Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Phạm Văn C1, Cao Thanh T, Nguyễn Chí Á, Nguyễn Hải T2 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn D1 và bà Đỗ Thị Đ1 (có ông Nguyễn Văn T5 là đại diện theo ủy quyền) số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Mỗi bị cáo bồi thường số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2025, bị cáo Cao Thanh T có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/10/2025, đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Nguyễn Văn T5 có kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn C1, Cao Thanh T, Nguyễn Chí Á, Nguyễn Hải T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày kháng cáo yêu cầu xem xét giảm hình phạt cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 60.000.000 đồng.

Đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Nguyễn Văn T5 thừa nhận đã nhận từ người nhà bị cáo Cao Thanh T số tiền 60.000.000 đồng nhưng vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn C1, Cao Thanh T, Nguyễn Chí Á, Nguyễn Hải T2 do các bị cáo chưa bồi thường đủ số tiền như gia đình bị hại yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, về việc các bị cáo đánh vào mặt, dùng chân đá vào người, dùng ghế nhựa đánh nhiều cái vào đầu của T4, hậu quả làm T4 tử vong sau đó. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Giết người” thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, áp dụng hình phạt là đúng quy định. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T có tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 60.000.000 đồng, đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo điểm b khoản 1 Điều 51, giảm cho bị cáo T 01 năm tù. Các bị cáo khác giữ nguyên mức hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối

với bị cáo T, các bị cáo khác giữ nguyên mức hình phạt.

Luật sư D trình bày: Về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo C1 thì thống nhất, đề nghị xem xét hoàn cảnh bị cáo C1 có uống bia, nghi ngờ bị hại T4 lấy điện thoại của bị cáo nên mới đánh T4 nhưng không có ý thức tước đoạt mạng sống của bị hại. Bị cáo thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, đề nghị giảm án cho bị cáo C1.

Bị cáo C1 đồng ý với lời trình bày của Luật sư, xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư C3 trình bày: Bị cáo T có tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 60.000.000 đồng, các bị cáo không có bản bạc, hành động bộc phát, đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo điểm b khoản 1 Điều 51 và xem xét cho hoàn cảnh gia đình của bị cáo, giảm cho bị cáo T từ 2 đến 3 năm tù để bị cáo cải tạo tốt.

Bị cáo T đồng ý với lời trình bày của Luật sư, xin lỗi gia đình bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư N trình bày: Về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo Â thì thống nhất, mức án của bản án sơ thẩm tương xứng với hành vi của bị cáo Â, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Â đồng ý với lời trình bày của Luật sư, xin lỗi gia đình bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Anh T3 trình bày: Về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo T2 thì thống nhất, mức án của bản án sơ thẩm tương xứng với hành vi của bị cáo T2, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T2 đồng ý với lời trình bày của Luật sư, không trình bày thêm.

Đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Nguyễn Văn T5 yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn C1, Cao Thanh T, Nguyễn Chí Â, Nguyễn Hải T2.

Lời nói sau cùng của bị cáo C1: Mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Â: Mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo T2: Mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo Cao Thanh T, đại diện hợp pháp cho bị hại có kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 21/12/2021, tại bãi đất trống thuộc Tổ F, Ấp A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Văn C1, Nguyễn Hải T2, Cao Thanh T và Nguyễn Chí Á cho rằng Nguyễn Thanh T4 đã lấy điện thoại của C1 nên Phạm Văn C1 dùng tay đánh nhiều cái vào vùng cổ, cầm chìa khóa đâm nhiều cái vào người, dùng dây xích đánh nhiều cái vào chân, lưng của T4; Nguyễn Hải T2 dùng tay đánh vào mặt, dùng chân đá vào người, dùng ghế nhựa đánh nhiều cái vào đầu của T4; Cao Thanh T dùng chân đá nhiều cái vào người, dùng nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào hai tay, dùng ghế nhựa đánh nhiều cái vào đầu T4; Nguyễn Chí Á dùng tay tát nhiều cái vào mặt, dùng chân đá nhiều cái vào người bị hại T4, hậu quả làm T4 tử vong sau đó.

Hành vi của các bị cáo Phạm Văn C1, Cao Thanh T, Nguyễn Chí Á, Nguyễn Hải T2 đã phạm vào tội “Giết người” thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2]. Khi lượng hình Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo Cao Thanh T gia đình có công với cách mạng, bị cáo T đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự có xác nhận của chính quyền địa phương nên xem xét áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong vụ án này, chỉ vì nghi ngờ bị hại T4 lấy điện thoại của C1 mà các bị cáo Phạm Văn C1, Cao Thanh T, Nguyễn Chí Á, Nguyễn Hải T2 dùng chân, tay, ghế, nón bảo hiểm đánh liên tiếp vào vùng cổ, đầu, mặt, lưng, chân là những vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại khi bị hại không có khả năng chống cự trong đó bị cáo Phạm Văn C1 tham gia với vai trò tích cực nhất. Khi thấy bị hại té ngã xuống đường, không còn cử động, liệt 2 chân, không tự chủ tiểu tiện các bị cáo không đưa bị hại đi cấp cứu mà để mặc bị hại nằm bên đường dẫn đến hậu quả bị hại tử vong. Do vậy, khi lượng hình đã cân nhắc mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 để lượng hình theo nguyên tắc đồng phạm.

[2.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T có tác động gia đình bồi thường

cho gia đình bị hại số tiền 60.000.000 đồng, nên cần áp dụng thêm cho bị cáo điểm b khoản 1 Điều 51, đây là tình tiết mới để xem xét giảm án cho bị cáo T.

[2.4] Trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Văn T5 là người đại diện theo ủy quyền của cha mẹ bị hại (ông Nguyễn Văn D1 và bà Đỗ Thị Đ1) yêu cầu các bị cáo bồi thường 500.000.000 đồng gồm các khoản chi phí mai táng, tổn thất tinh thần. Các bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận. Ghi nhận bị cáo T đã bồi thường số tiền 60.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo T, các bị cáo khác giữ nguyên mức hình phạt.

[3]. Quan điểm của Kiểm sát viên được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Thanh T, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 576/2025/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C1 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người”; Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2021.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 7; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Cao Thanh T 15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người”;
Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2023.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51;
Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm
2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Â 16 (mười sáu) năm tù về tội “Giết người”;
Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2023.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51;
Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm
2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải T2 16 (mười sáu) năm tù về tội “Giết người”;
Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2023.

2. Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng
hình sự;

Trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Phạm Văn C1, Cao Thanh T, Nguyễn Chí Â, Nguyễn Hải
T2 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn D1 và bà Đỗ Thị Đ1 (có ông
Nguyễn Văn T5 là đại diện theo ủy quyền) số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu)
đồng. Mỗi bị cáo bồi thường số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu)
đồng. Ghi nhận bị cáo Cao Thanh T đã bồi thường số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến
khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn
phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy
định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng
cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng
nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Cao Thanh T không phải chịu án phí
hình sự phúc thẩm. Đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu án phí hình sự
phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án DS TP. Hồ Chí Minh;
- Trại Tạm giam CA. TP. HCM;
- Bị cáo (Trại TG tổng đạt);
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt

